

Số: 20 /KH-UBND

Pờ Ly Ngài, ngày 15 tháng 3 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Giảm nghèo trên địa bàn xã Pờ Ly Ngài năm 2023**

Thực hiện kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 11/3/2023 của UBND huyện Hoàng Su Phì. Kế hoạch thực hiện Giảm nghèo trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì năm 2023; Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã Pờ Ly Ngài. Nghị quyết về phát triển kinh tế Quốc phòng-An ninh.

Ủy ban nhân dân xã Pờ Ly Ngài xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2023 cụ thể như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PỜ LY NGÀI ĐẦU NĂM 2023**

#### **1. Kết quả rà soát theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025.**

- Tổng số hộ toàn xã là: 392 hộ = 1.893 nhân khẩu;
- Số hộ thuộc diện nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025: 221 hộ = 1.074 khẩu, chiếm tỷ lệ 56,38% số hộ toàn xã;
- Số hộ thuộc diện cận nghèo: 80 hộ = 379 khẩu, chiếm tỷ lệ 20,41% số hộ toàn xã;
- Số hộ không nghèo: 91 hộ = 440 khẩu, chiếm tỷ lệ 23,10% số hộ toàn xã.

#### **2. Phân loại hộ nghèo.**

Trong tổng số 221 hộ nghèo có 14 hộ có chủ hộ là nữ; các thiếu hụt về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

- Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm, hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động 62 hộ;
- Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50% có 137 hộ;
- Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng 85 hộ;
- Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc 43 hộ;
- Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt 69 hộ;
- Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng mạng internet 50 hộ;
- Hộ gia đình không có Tivi, dàn nghe nhạc, máy vi tính/máy tính máy tính bảng, điện thoại (cố định/di động) 76 hộ.

**Phần thứ II**  
**MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM**  
**NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Mục tiêu tổng quát.**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân đặc biệt là các thôn có tỷ lệ hộ nghèo cao, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản (*việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin*), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 theo Nghị quyết HĐND xã đề ra.

**2. Mục tiêu cụ thể.**

2.1. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt từ 3% trở lên, hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới (*Có biểu chỉ tiêu chi tiết kèm theo*);

2.2. Thu nhập bình quân đầu người đạt 22,5 triệu đồng/người/năm;

2.3. Phần đầu đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn 30 người trở lên, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo 35%, giải quyết việc làm cho 65 lao động;

2.4. Trên 99% người dân tham gia BHYT, 100% hộ gia đình có người ốm đau được đưa đi khám chữa bệnh;

2.5. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 99,5%; tỷ lệ huy động trẻ từ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,5%, tỷ lệ huy động học sinh 6-14 tuổi đi đến trường đạt 99,5%;

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN:**

**1. Đối tượng.**

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Người dân và cộng đồng trên địa bàn xã nghèo, các thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

**2. Phạm vi:** Được thực hiện trên phạm vi toàn xã; ưu tiên nguồn lực cho thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:**

1. Trên cơ sở nguồn kinh phí UBND huyện phân bổ năm 2023, chỉ đạo các cấp, các ngành của xã phối hợp thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nói riêng và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 nói chung.

**2. Chính sách hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.**

**2.1. Tiếp cận dịch vụ Y tế.**

Triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả việc hỗ trợ mua và cấp thẻ BHYT, cho các đối tượng theo Hướng dẫn số 324/HD-UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế cho các đối tượng

được ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

## **2.2. Tiếp cận Giáo dục.**

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh TH&THCS theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ; đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất để huy động và duy trì tỷ lệ học sinh đến lớp;

- Tiếp tục duy trì các lớp xóa mù chữ, khuyến khích xây dựng và mở rộng "Quỹ khuyến học", phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng.

## **2.3. Nhà ở cho hộ nghèo.**

Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ nhà theo chương trình MTQG cho hộ nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn xã Pờ Ly Ngài kêu gọi xã hội hóa và kêu gọi sự hỗ trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân... Kết hợp với việc lồng ghép chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo của Trung ương, của tỉnh, của huyện.

## **2.4. Cung cấp nước sạch và vệ sinh.**

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, tu sửa, nâng cấp hệ thống cấp và trữ nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn đủ dùng quanh năm và sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia thông qua các nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước, các chương trình, dự án, đóng góp của nhân dân.

- Vận động, tuyên truyền và hỗ trợ hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số xây và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, xây bể trữ nước sinh hoạt, đặc biệt là hỗ trợ từ kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

## **2.5. Tiếp cận về Thông tin.**

Kết hợp nguồn vốn từ Chương trình MTQG giảm nghèo và các nguồn vốn khác, xây dựng, nâng cấp, củng cố và phát triển hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở; Hỗ trợ phương tiện nghe, nhìn cho các hộ nghèo tại vùng sâu, vùng xa; Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và sản xuất; Ưu tiên hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa - thông tin trên địa bàn xã/thôn gồm trạm chuyển tiếp phát thanh, hệ thống loa đài truyền thanh, điện sinh hoạt; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản.

## **2.6. Tiếp cận về Việc làm**

Tiếp tục triển khai Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

## **3. Thực hiện hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo khác.**

### **3.1. Chính sách tín dụng hộ nghèo.**

- Cung cấp tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện cho vay theo phương thức uỷ thác cho các tổ chức chính trị - xã hội (*Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên*). Thực hiện cho vay đối với hộ nghèo thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn có sự chỉ đạo chặt chẽ và phê duyệt của UBND xã, sự quản lý, giám sát của trưởng thôn trong việc sử dụng vốn vay của người nghèo. Quy mô món vay và thời hạn vay phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh.

- Kết hợp chặt chẽ giữa tín dụng với hoạt động tiết kiệm thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn, giúp hộ nghèo có ý thức tiết kiệm, sử dụng vốn đúng mục đích, vươn lên thoát nghèo bền vững. Đồng thời thực hiện giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay của hộ nghèo thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn, các tổ chức hội đoàn thể nhận uỷ thác, chính quyền cấp thôn bản, UBND cấp xã để hạn chế tình trạng nợ đọng và sử dụng vốn vay sai mục đích, không hiệu quả.

- Xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp tín dụng với hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm... tạo điều kiện để vốn vay phát huy hiệu quả.

### **3.2. Hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm cho người nghèo.**

- Đổi mới phương thức hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, kết hợp với hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo theo quy định; đầu tư nhân rộng các mô hình sinh kế giảm nghèo bền vững. Hỗ trợ kết nối hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo với thị trường thông qua phát triển các mô hình liên kết cung cấp dịch vụ với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số, thôn, bản đặc biệt khó khăn thông qua đổi mới toàn diện và thực hiện đồng bộ, hiệu quả chính sách giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề gắn với xuất khẩu lao động và đưa lao động nông thôn đi làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trong và ngoài tỉnh, chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phát triển các làng nghề truyền thống, kết nối và trợ giúp lao động nghèo tìm kiếm việc làm ổn định tại các khu cụm công nghiệp và đi xuất khẩu lao động.

### **3.3. Chính sách trợ giúp xã hội.**

Tổ chức rà soát và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đề nghị, thẩm định, giải quyết kịp thời các chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người già cô đơn, người cao tuổi, người khuyết nặng, gia đình đơn thân nghèo nuôi con nhỏ...; kịp thời hỗ trợ và vận động các tổ chức, đơn vị, nhà hảo tâm hỗ trợ gia đình bị thiệt hại do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn rủi ro, thiếu đói giáp hạt...; vận động và hỗ trợ phụ nữ người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo sinh con theo đúng chính sách dân số; thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội... theo quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo ổn định đời sống và hòa nhập cộng đồng các đối tượng khó khăn yếu thế trên địa bàn xã.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Các ngành thành viên Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

**1.1. Lao động - TBXH:** Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn xác định đối tượng hỗ trợ; hướng dẫn các ngành và các thôn tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo kinh phí năm 2023 được phân bổ; thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động... Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2023.

**1.2. Địa chính Nông lâm Nghiệp:** Tham mưu hướng dẫn chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; Triển khai khuyến nông, lâm, hỗ trợ xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất chuyên canh tập trung theo chuỗi giá trị hàng hoá để người nghèo dễ tiếp cận và tham gia; Nhân rộng mô hình đầu tư hỗ trợ sản xuất có thu hồi; Lòng ghép Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ hộ nghèo xây dựng bể nước, nhà tiêu hợp vệ sinh; tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo để tổng hợp chung.

**1.3. Văn hóa xã hội:** Phối hợp với các ngành, các thôn thực hiện một số hoạt động truyền thông và giảm nghèo về thông tin, hỗ trợ người nghèo, người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiếp cận thông tin; tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo.

**1.4. Kế toán xã:** Trên cơ sở nguồn kinh phí do huyện phân bổ hàng năm chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổng hợp, cân đối tham mưu phân bổ nguồn vốn đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2022; kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc quản lý, sử dụng kinh phí của các ngành, các thôn trong thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

**1.5. Trạm y tế:** Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về các chính sách khám chữa bệnh BHYT, hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế; Tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trong việc tự chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc.

**1.6. Trường TH&THCS, Trường Mầm Non:** Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ học sinh nghèo trong giáo dục đào tạo.

**1.9.** Các ngành đoàn thể theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp tham gia tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2023.

## **2. Các thôn.**

Tổ chức họp thôn rà soát, lập danh sách các hộ dự kiến thoát nghèo năm 2023 gửi về UBND xã trước ngày 30/03/2023.

Trên cơ sở danh sách rà soát các hộ dự kiến thoát nghèo trong năm, xác định chính xác các đặc trưng hiện có của hộ, các đặc trưng có thể tác động để trợ giúp hộ thoát nghèo bền vững. Từ đó xác định nhu cầu trợ giúp của từng hộ, tổng nguồn lực cần trợ giúp để huy động và bố trí từ các chương trình.

Trước mắt, để tạo nguồn thu nhập nhanh và ổn định cho các hộ đạt chuẩn thu nhập, đề nghị tập trung vận động và hướng dẫn các hộ nghèo, cận nghèo có lao động trong độ tuổi tham gia đi làm việc ngoài huyện hoặc XKLD; kết hợp với tăng cường hỗ trợ hộ phát triển sản xuất kinh doanh (*Chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô trở thành hàng hóa, phát triển ngành nghề truyền thống kết hợp phục vụ du lịch*), giải quyết tạo việc làm và cho thu nhập tại chỗ.

- Phân công cán bộ đảng viên, tổ chức đoàn thể, giúp đỡ các hộ dự kiến thoát nghèo hàng năm; việc phân công trợ giúp hộ nghèo cần phải được giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và được kiểm tra giám sát thường xuyên. Cá nhân được phân

công trợ giúp hộ phải trực tiếp hướng dẫn, vận động hộ gia đình tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ thoát nghèo, đồng thời là cầu nối huy động và bố trí nguồn lực, trợ giúp hộ thoát nghèo bền vững; nắm và phản ánh thông tin của hộ với UBND xã, để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình để tích cực vận động học sinh tới trường nhằm đảm bảo duy trì sĩ số và nâng cao tỷ lệ huy động học sinh các ngành học, cấp học. Vận động người dân xây nhà tiêu, hố xí hợp vệ sinh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Pờ Ly Ngài năm 2023, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các ngành, đơn vị có liên quan và các thôn nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Lao động - TBXH huyện;
- Thương trực Đảng ủy;
- Thương trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Thành viên BCĐ các CT MTQG xã;
- 6/6 thôn;
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**



**Sùng Sào Diu**



**KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO NĂM 2023 XÃ PỒ LY NGAI**



TT	Địa chỉ thôn	Hộ nghèo 31/12/2022			Dự báo số hộ cuối năm 2023	Kế hoạch giảm nghèo năm 2023		Hộ nghèo 31/12/2022	
		Tổng số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)		Giảm số hộ nghèo	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=2-5</i>	<i>8=3-6</i>
	<b>Toàn xã</b>	<b>394</b>	<b>236</b>	<b>59,90</b>	<b>210</b>	<b>11</b>		<b>210</b>	
1	Thôn Na Vang	30	10	33,33	9	1		9	
2	Thôn Chàng Chảy	92	52	56,52	50	2		50	
3	Thôn Hô Sán	77	43	55,84	41	2		41	
4	Thôn Cóc Mui	48	27	56,62	25	2		25	
5	Thôn Pô Chuông	58	33	56,90	31	2		31	
6	Thôn Tà Đản	87	56	64,34	54	2		54	

